

Số: 18/2022/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Căn cứ vào Điều 213 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 297/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1 Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là: ngân hàng); địa chỉ: Số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm TA – Phó Giám đốc TT Pháp chế SME& cá nhân; người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Hoàng Văn D, ông Nguyễn Ngọc H – Đều là nhân viên bộ phận xử lý nợ.

2 Bị đơn:

2.1. Ông Bàng XT, sinh năm 1973;

2.2. Bà Lưu T, sinh năm 1978.

Cùng đăng ký HKTT: Số nhà 37, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh B; cùng trú tại: Số nhà 294, đường H, phường Đ, thành phố B.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lưu T và ông Bàn XT thanh cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/7/2022 theo Hợp đồng tín dụng số: 10541165 và Khế ước nhận nợ số: 10541165 ngày 14/12/2016, số tiền nợ gốc là: 437.857.000 đồng (Bằng chữ: *Bốn trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Số tiền lãi là: 268.399.768 đồng (Bằng chữ: *hai trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng*). Cộng là: 706.256.768 đồng (Bằng chữ: *bảy trăm linh sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng*).

2.2. Bà Lưu T và ông Bàn XT phải thanh cho nhân hàng số tiền tính đến ngày 19/7/2022 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2017, số tiền nợ gốc là: 108.573.228 đồng (Bằng chữ: *Một trăm linh tám triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng*). Số tiền lãi là: 138.980.717 đồng (Bằng chữ: *một trăm ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*). Phạt chậm trả lãi là: 30.231.536 đồng (Bằng chữ: *Ba mươi triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng*). Cộng là: 277.785.481 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi một đồng*).

3. Trường hợp bà Lưu T và ông Bàn XT không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 10541165 ngày 13/12/2016, tài sản gồm:

3.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 20, diện tích 46,35 m², địa chỉ thửa đất: Cụm Tân Mai, xã Đa Mai (nay là phường Đa Mai), thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BG 144957, số vào sổ: H00223/QĐ số 1559/QĐ-UBND do UBND thành Bắc Giang cấp ngày 02/6/2011 cho bà Lưu Thủy.

3.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 20, diện tích 43,75 m², địa chỉ thửa đất: Cụm Tân Mai, xã Đa Mai (nay là phường Đa Mai), thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BQ 780313, số vào sổ: H00670/QĐ số 3182/QĐ-UBND Q5/T14 do UBND thành Bắc Giang cấp ngày 04/9/2013 cho bà L.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ:

- Bà Lưu T và ông Bàn XT nhận nộp trả 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản cho ngân hàng.

5. Về án phí:

- Bà Lưu T và ông Bàn XT phải chịu 41.521.000 đồng (bốn mươi một triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP V vào số tiền 20.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001283 ngày 15/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trần Kiên